TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **34**/2026/DS-ST Ngày: 16-6-2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Hoa

2. Ông Phạm Hoàng Vũ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2026/QĐXXST-DS ngày 01/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L.

Địa chỉ trụ sở: L1, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội (nay là số H, N, đường T, phố A, phường H, tỉnh Ninh Bình).

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K, sinh năm 1981, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Văn P, sinh năm 1985. Địa chỉ: C đường L, phường R, tỉnh An Giang (Đại diện theo Quyết định số 60/2026/QĐ-LPBank.KG ngày 06/02/2026, ông P có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp M, xã U, tỉnh An Giang), ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2026, bản tự khai và trong quá trình xét

xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng TMCP L, ông Trần Văn P trình bày:

Vào ngày 23/12/2024 ông H có ký hợp đồng tín dụng số HDTD79A202400461 với ngân hàng TMCP L - Chi nhánh K1 - Phòng G để vay số tiền 750.000.000 đồng để bổ sung chi phí sản xuất nông nghiệp (trồng gừng). Thực hiện hợp đồng ngân hàng đã giải ngân đủ cho ông H theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 79A202400461/01 ngày 24/12/2024. Cụ thể: ngày giải ngân 24/12/2024, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 25/12/2024 đến ngày 24/12/2025, lãi suất cho vay 10%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả 10% tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, kỳ hạn trả nợ gốc là cuối kỳ, kỳ hạn trả lãi là 06 tháng/kỳ vào ngày 25, chia làm 02 kỳ trả nợ, kỳ trả đầu tiên là 25/6/2025, lãi tính theo dư nợ gốc thực tế.

Tính đến nay ông H đã trả cho ngân hàng số tiền 57.867.289 đồng (Trong đó nợ gốc 20.214.336 đồng và 37.652.953 đồng nợ lãi). Ngoài ra, ngày 30/10/2024 ngân hàng còn cấp cho ông H một thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp QSD đất số HĐTC79A202400461 ngày 23/12/2024 là QSD đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 654,4m^2, tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 23, tọa lạc ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp M, xã U, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 093324 cấp ngày 07/10/2024 đứng tến Trần Minh H và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U chứng nhận thế chấp cho ngân hàng vào ngày 24/12/2024. Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại UBND xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/12/2024 theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ký kết. Nay buộc ông H phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/01/2026 là 801.945.341 đồng, trong đó nợ gốc là 748.519.938 đồng, nợ lãi là 53.425.403 đồng, đề nghị Toà án tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp ông H không trả được nợ, đề nghị Tòa án cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản thế chấp thuộc sỡ hữu của bên bảo đảm là ông Trần Minh H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên toà, người đại diện của nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn ông

H như sau:

+ Yêu cầu trả số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 là 728.536.311 đồng, nợ lãi trong hạn 37.397.260 đồng, lãi quá hạn 51.870.663 đồng, tổng cộng gốc lãi là 817.804.234 đồng, lãi phát sinh sau ngày 16/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Đối với số tiền lãi phạt trong hạn 1.772.530 đồng là không yêu cầu giải quyết.

Trong trường hợp ông H thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn thiếu, đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp QSD đất số HĐTC79A202400461 ngày 23/12/2024 là QSD đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 654,4m^2, tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 23, tọa lạc ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp M, xã U, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 093324 cấp ngày 07/10/2024 đứng tến Trần Minh H và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện U chứng nhận thế chấp cho ngân hàng vào ngày 24/12/2024. Hợp đồng thế chấp được chứng thực tại UBND xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/12/2024 theo đúng quy định pháp luật.

+ Yêu cầu ông H phải trả nợ Thẻ tín dụng nợ gốc là 14.496.224 đồng, nợ lãi là 5.735.647 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 20.231.871 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông H phải trả nợ cho ngân hàng là 838.036.105 đồng.

Bị đơn ông Trần Minh H trình bày: Ông hoà thống nhất toàn bộ lời trình bày của đại diện ngân hàng, ông thừa nhận có vay Ngân hàng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử cụ thể theo hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 là 728.536.311 đồng, nợ lãi trong hạn 37.397.260 đồng, lãi quá hạn 51.870.663 đồng, tổng cộng gốc lãi là 817.804.234 đồng, lãi phát sinh sau ngày 16/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký và đồng ý trả toàn bộ số nợ trên trong thời hạn 06 tháng. Đối với số tiền lãi phạt trong hạn 1.772.530 đồng nay người đại diện nguyên đơn đã đồng ý rút lại không yêu cầu giải quyết ông H thống nhất không ý kiến gì. Để đảm bảo cho khoản vay hợp đồng tín dụng nêu trên ông H có thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 654,4m^2, tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 23, tọa lạc ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp M, xã U, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 093324 cấp ngày 07/10/2024 đứng tên Trần Minh H. Hiện phần đất thế chấp

trên ông đang quản lý, sử dụng, trường hợp ông không có khả năng trả nợ cho ngân hàng thì ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Đối với T tín dụng ông H còn nợ gốc là 14.496.224 đồng, nợ lãi là 5.735.647 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 20.231.871 đồng.

Nay bị đơn ông H xác định còn nợ ngân hàng và đồng ý trả nợ cho ngân hàng nợ gốc hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 là 728.536.311 đồng, nợ gốc của hợp đồng thẻ tín dụng 14.496.224 đồng, tổng nợ gốc 743.032.535 đồng. Nợ lãi của hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 là 89.267.923 đồng, nợ lãi của thẻ tín dụng là 5.735.647 đồng, tổng nợ lãi là 95.003.570 đồng. Như vậy, tổng số nợ gốc và lãi là 838.036.105 đồng và đồng ý trả số tiền trên trong vòng 06 tháng trả hết nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L yêu cầu bị đơn ông H thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay còn thiếu tổng số tiền gốc lãi 838.036.105 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà bị đơn ông H có nơi cư trú trên địa bàn ấp M, xã U, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 6 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung:*

Xét hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 ngày 23/12/2024, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 79A202400461/01 ngày 24/12/2024 do ông H và ngân hàng K2 thì ngân hàng đã giải ngân cho ông H số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng và giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa ông H và ngân hàng ký vào ngày 30/12/2024 số tiền hạn mức là 30.000.000 đồng, vay mục đích tiêu dùng.

Xét thấy hợp đồng tín dụng giữa các bên đã ký kết nêu trên là trên cơ sở tự nguyện, người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hợp đồng ký kết có mục đích, nội dung rõ ràng, không vi phạm điều cấm của pháp

luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Về thực hiện hợp đồng tín dụng ông H đã nhận đủ số tiền vay nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng.

Tại phiên toà, giữa người đại diện của ngân hàng và ông H đều thống nhất toàn bộ số nợ ông H còn thiếu ngân hàng TMCP L, ông Hòa đồng Ý trả nợ cho ngân hàng nợ gốc hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 là 728.536.311 đồng, nợ gốc của hợp đồng thẻ tín dụng 14.496.224 đồng, tổng nợ gốc 743.032.535 đồng. Nợ lãi của hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 là 89.267.923 đồng, nợ lãi của thẻ tín dụng là 5.735.647 đồng, tổng nợ lãi là 95.003.570 đồng. Tổng số nợ gốc và lãi là 838.036.105 đồng. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận đó là sự thật. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng T1 nợ gốc, nợ lãi là 838.036.105 đồng, trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461: Nợ gốc là 728.536.311 đồng, Nợ lãi của hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 là 89.267.923 đồng.

+ Thẻ tín dụng: Nợ gốc là 14.496.224 đồng, nợ lãi 5.735.647 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 16/6/2026 ông H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 79A202400461/01 ngày 24/12/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từ thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn ông H trả dần trong thời hạn 06 năm là xong nợ, do đại diện nguyên đơn ông P không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn thấy rằng:

Để bảm bảo cho khoản nợ vay nêu trên, ông H đã dùng tài sản của mình là QSD đất có tổng diện tích 654,4m², thửa đất số: 351, tờ bản đồ số 23; Tọa lạc tại: ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp M, xã U, tỉnh An Giang).

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 093324 do Chi nhánh Văn phòng đăng đất đai huyện U cấp ngày 07/10/2024 chủ sở hữu ông Trần Minh H.

Bị đơn ông Hòa đồng Ý phát mãi tài sản thế chấp của ông H trong trường hợp không có khả năng trả nợ. Xét thấy hợp đồng thế chấp QSD đất của ông H là tự nguyện thực hiện và được đăng ký theo quy định pháp luật. Do đó, Trong trường hợp ông H không thực hiện việc trả nợ thì tài sản thế chấp là QSD đất của ông H sẽ bị xử lý theo Điều 299 của Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông H tất toán xong số tiền nợ thì ngân hàng phải làm thủ tục xoá thế chấp và trả lại cho bị đơn ông H các giấy tờ đã nhận thế chấp.

Đối với số tiền lãi phạt là đồng người đại diện của nguyên đơn rút lại không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần tiền lãi phạt số tiền 1.772.530 đồng.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm:

- Án phí trả nợ cho ngân hàng là 838.036.105 đồng là 36.000.000 đồng + (3% x 38.036.105 đồng) = 37.141.083 đồng (làm tròn 37.141.000 đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.029.000 đồng theo biên lai thu số 303967 ngày 26/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 13, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L.

Buộc bị đơn ông Trần Minh H có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP L tổng cộng là 838.036.105 đồng trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461: Nợ gốc là 728.536.311 đồng, Nợ lãi của hợp đồng tín dụng HĐTD79A202400461 là 89.267.923 đồng.

+ Thẻ tín dụng: Nợ gốc là 14.496.224 đồng, nợ lãi 5.735.647 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Minh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng các bên thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2- Về tài sản thế chấp:

Nếu bị đơn ông Trần Minh H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền trên cho ngân hàng TMCP L thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là QSD đất có tổng diện tích 654,4m², thửa đất số: 351, tờ bản đồ số 23; Tọa lạc tại: ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp M, xã U, tỉnh An Giang). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 093324 do Chi nhánh Văn phòng đăng đất đai huyện U cấp ngày 07/10/2024 chủ sở hữu ông Trần Minh H để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Trần Minh H tất toán xong số nợ thì ngân hàng TMCP L phải làm thủ tục xoá thế chấp, có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn ông Trần Minh H các giấy tờ đã nhận thế chấp.

3- Đình chỉ xét xử phần tiền lãi phạt số tiền 1.772.530 đồng do người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu.

4- Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 37.141.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.029.000 đồng theo biên lai thu số 303967 ngày 26/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

5- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 6 - An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6 - An Giang;
- UBND xã U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng